|  |  |
| --- | --- |
|  **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM****\_\_\_\_\_\_\_\_**Số: /2016/TT-NHNN  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *Hà Nội, ngày tháng năm 2016* |

 **THÔNG TƯ**

**Quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục**

**chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

 **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết, các trường hợp góp vốn, mua cổ phần khác (sau đây gọi là đầu tư thương mại) của tổ chức tín dụng phải được sự chấp thuận trước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.
2. Tổ chức tín dụng thực hiện hoán đổi nợ thành vốn góp, mua cổ phần theo quy định tại Thông tư này ngoại trừ các điều kiện quy định tại Điều 6, 7, 8, 9, 13 Thông tư, tuy nhiên phải đảm bảo các điều kiện sau:

 a. Chỉ được thực hiện đối với nợ thuộc nhóm 5 hoặc nợ đã được xử lý bằng dự phòng rủi ro;

 b. Tổng mức góp vốn, mua cổ phần dưới mọi hình thức không vượt quá 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của ngân hàng thương mại, không vượt quá 60% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của công ty tài chính;

 c. Tuân thủ tỷ lệ bảo đảm an toàn trước và sau khi hoán đổi nợ thành vốn góp, mua cổ phần, trừ trường hợp đặc biệt khi các tổ chức tín dụng đang trong quá trình triển khai tái cơ cấu theo chỉ đạo của Thống đốc.

1. Việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết ở nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật Việt Nam về đầu tư ra nước ngoài.
2. Việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập tổ chức tín dụng trong nước và việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập ngân hàng con ở nước ngoài do tổ chức tín dụng sở hữu 100% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.
3. Trường hợp tổ chức tín dụng thực hiện cơ cấu lại, việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoặc đầu tư thương mại của tổ chức tín dụng đó được thực hiện theo Đề án cơ cấu lại đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

 **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các tổ chức tín dụng là ngân hàng thương mại và công ty tài chính.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng.

 **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

 1. *Thời điểm đề nghị* là thời gian cụ thể được ghi trên văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần.

 *2. Tổ chức* nước *ngoài* là các tổ chức được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài.

 3. *Công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý tài sản bảo đảm* gồm các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản và các công ty khác chỉ thực hiện hoạt động mua, tiếp nhận, quản lý, sử dụng, nhận ủy thác tài sản bảo đảm của tổ chức tín dụng dưới các hình thức cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, bán, chuyển nhượng, cho thuê, khai thác kinh doanh, góp vốn, liên doanh để thu hồi nợ.

 *4. Đầu tư thương mại* là việc tổ chức tín dụng góp vốn, mua cổ phần mà không hình thành công ty con hoặc công ty liên kết với tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần chiếm từ 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp nhận vốn góp trở xuống.

**Điều 4. Thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước**

Theo các quy định tại Thông tư này và phù hợp với mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có quyền chấp thuận hoặc không chấp thuận:

1. Việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết.

 2. Việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng để đầu tư thương mại.

 **Điều 5. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ**

 1. Tổ chức tín dụng lập hồ sơ bằng tiếng Việt. Các bản sao tiếng Việt và các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được cơ quan có thẩm quyền chứng thực theo quy định của pháp luật.

 2. Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần phải do người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng ký. Trường hợp người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho người khác ký, phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

 3. Hồ sơ của tổ chức tín dụng gửi tới Ngân hàng Nhà nước bằng các hình thức: gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

**Chương II**

**GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN ĐỂ THÀNH LẬP,**

**MUA LẠI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

 **Điều 6. Điều kiện góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con trong nước của tổ chức tín dụng**

 1. Có giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định tại thời điểm đề nghị;

2. Tại thời điểm đề nghị có chênh lệch thu nhập lớn hơn chi phí;

3.  Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 126, 127, 128, 129, Khoản 1 Điều 130 và Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này trong thời gian từ 12 tháng liên tục đến thời điểm đề nghị hoặc từ ngày bắt đầu khai trương đến thời điểm đề nghị (đối với các tổ chức tín dụng có

 thời gian hoạt động dưới 12 tháng), ngoại trừ trường hợp đặc biệt trong quá trình triển khai công tác tái cơ cấu các tổ chức tín dụng theo chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

4. Tại thời điểm đề nghị, thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

5. Tại thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết Tổng Giám đốc;

6. Tại thời điểm đề nghị, có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 40, Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành, trong đó có các chính sách, quy trình nội bộ và hệ thống quản trị rủi ro đảm bảo quản lý, kiểm soát rủi ro đối với các khoản đầu tư, góp vốn, mua cổ phần và hoạt động của công ty con;

7. Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới theo quy định của pháp luật về xử lý sau thanh tra, giám sát đối với các tổ chức tín dụng;

8. Có Đề án góp vốn, mua cổ phần với nội dung tối thiểu theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Thông tư này và có đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Thông tư này;

9. Giám đốc công ty con mà tổ chức tín dụng dự định góp vốn, mua cổ phần bảo đảm các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 5 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng;

10. Tại Giấy phép thành lập và hoạt động có nội dung hoạt động góp vốn, mua cổ phần;

11. Trường hợp thành lập, mua lại công ty con hoạt động trong lĩnh vực quản lý tài sản bảo đảm là công ty quản lý nợ và khai thác tài sản, tổ chức tín dụng chỉ phải tuân thủ các điều kiện tại Khoản 5, 6, 8, 9, 10, 11 Điều này.

 **Điều 7. Điều kiện góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con ở nước ngoài của tổ chức tín dụng**

1. Các điều kiện quy định tại Điều 6 (trừ Khoản 8) Thông tư này.
2. Có Đề án góp vốn, mua cổ phần với nội dung tối thiểu theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư này.
3. Có thời gian hoạt động tối thiểu là một (01) năm tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.
4. Có tổng tài sản Có đạt 100.000 tỷ Đồng Việt Nam trở lên theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị.
5. Hoạt động kinh doanh có lãi theo các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán trong một (01) năm trước liền kề năm đề nghị.

 6. Cơ quan có thẩm quyền thanh tra, giám sát ngân hàng và/hoặc chứng khoán và/hoặc bảo hiểm nước sở tại đã ký kết thỏa thuận về hợp tác trao đổi thông tin, thanh tra giám sát với Ngân hàng Nhà nước và/hoặc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam (trong trường hợp thành lập, mua lại công ty con ở nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

 **Điều 8. Điều kiện góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty liên kết trong nước của tổ chức tín dụng**

1. Có thời gian hoạt động tối thiểu là hai (02) năm kể từ thời điểm khai trương hoạt động;
2. Tại thời điểm đề nghị, có giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định;
3. Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán trong hai (02) năm liền kề trước năm có đề nghị;
4. Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 126, 127, 128, 129, Khoản 1 Điều 130 và Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này liên tục trong thời gian 24 tháng trước tháng đề nghị ngoại trừ trường hợp đặc biệt trong quá trình triển khai công tác tái cơ cấu các tổ chức tín dụng theo chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
5. Tại thời điểm đề nghị, thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;
6. Tại thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết Tổng giám đốc;
7. Tại thời điểm đề nghị, có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 40, Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành, trong đó có các chính sách, quy trình nội bộ và hệ thống quản trị rủi ro đảm bảo quản lý, kiểm soát rủi ro đối với các khoản đầu tư, góp vốn, mua cổ phần và hoạt động của công ty liên kết;
8. Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới theo quy định của pháp luật về xử lý sau thanh tra, giám sát đối với các tổ chức tín dụng;
9. Có Đề án góp vốn, mua cổ phần với nội dung tối thiểu theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Thông tư này và có đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Thông tư này;
10. Tại Giấy phép thành lập và hoạt động có nội dung hoạt động góp vốn, mua cổ phần;

 **Điều 9. Điều kiện góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty liên kết ở nước ngoài của tổ chức tín dụng**

1. Các điều kiện quy định tại Điều 8 (trừ Khoản 9) Thông tư này;
2. Có Đề án góp vốn, mua cổ phần với nội dung tối thiểu theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư này;
3. Có thời gian hoạt động tối thiểu là ba (03) năm tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;
4. Có tổng tài sản Có đạt 100.000 tỷ Đồng Việt Nam trở lên theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị;
5. Hoạt động kinh doanh có lãi theo các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán trong ba (03) năm trước liền kề năm đề nghị;
6. Cơ quan có thẩm quyền thanh tra, giám sát ngân hàng và/hoặc chứng khoán và/hoặc bảo hiểm nước sở tại đã ký kết thỏa thuận về hợp tác trao đổi thông tin, thanh tra giám sát với Ngân hàng Nhà nước và/hoặc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam (trong trường hợp thành lập, mua lại công ty liên kết ở nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

 **Điều 10. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết trong nước của tổ chức tín dụng**

* 1. Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết (theo Mẫu đơn quy định tại Thông tư này);
	2. Nghị quyết, Quyết định hoặc trích yếu Nghị quyết, Quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng về việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết;
	3. Đề án góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết được cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phê duyệt tối thiểu bao gồm những nội dung sau:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài;

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài (nếu có);

c) Lý do, sự cần thiết của việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết;

d) Địa chỉ;

đ) Mức vốn điều lệ của công ty con, công ty liên kết;

e) Nội dung hoạt động của công ty con, công ty liên kết;

g) Thời hạn hoạt động của công ty con, công ty liên kết;

h) Số vốn góp, vốn cổ phần và tỷ lệ vốn góp, cổ phần của tổ chức tín dụng;

i) Số vốn góp, vốn cổ phần và tỷ lệ vốn góp, cổ phần của các bên tham gia sở hữu từ 5% vốn điều lệ của công ty con, công ty liên kết trở lên;

k) Hệ thống quản trị, điều hành và hệ thống công nghệ của công ty con, công ty liên kết;

l) Đánh giá tác động của việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết đến hoạt động, tình hình tài chính, quản trị và an toàn của tổ chức tín dụng; khả năng thu hồi vốn đầu tư; khả năng quản lý của tổ chức tín dụng đối với công ty con, công ty liên kết; tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và các giới hạn góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng trước và sau khi thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết;

m) Định hướng, mục tiêu, chiến lược, kế hoạch kinh doanh của công ty con, công ty liên kết phù hợp với định hướng, mục tiêu, chiến lược, kế hoạch kinh doanh của tổ chức tín dụng;

 n) Phương án kinh doanh của công ty con, công ty liên kết dự kiến trong ba (03) năm kế tiếp kể từ thời điểm bắt đầu việc góp vốn, mua cổ phần, trong đó tối thiểu bao gồm: (i) dự kiến Bảng cân đối tài sản, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty con, công ty liên kết; (ii) dự kiến thu nhập và chi phí; (iii) căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm;

 o) Phương án và biện pháp xử lý của tổ chức tín dụng trong trường hợp công ty con, công ty liên kết có những ảnh hưởng xấu nghiêm trọng hoặc kéo dài đối với tổ chức tín dụng;

p) Đối với công ty liên kết, nêu rõ vai trò và sự tham gia của tổ chức tín dụng trong hoạt động quản trị, điều hành tại công ty liên kết và các cam kết, ràng buộc chủ yếu về nghĩa vụ của tổ chức tín dụng đối với công ty liên kết;

4. Chính sách, quy trình nội bộ thể hiện việc quản lý, kiểm soát rủi ro đối với các khoản đầu tư, góp vốn, mua cổ phần và hoạt động của công ty con, công ty liên kết;

5. Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ đã được kiểm toán và/hoặc các văn bản, tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện để được góp vốn, mua cổ phần thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết trong nước theo quy định tại Thông tư này (nếu có).

 **Điều 11. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết ở nước ngoài của tổ chức tín dụng**

1. Các văn bản quy định tại Khoản 1, , 4 Điều 10 Thông tư này.
2. Đề án góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết ở nước ngoài tối thiểu bao gồm những nội dung sau:
3. Các nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m Điều 10 Thông tư này;
4. Lý do lựa chọn cung cấp dịch vụ dưới hình thức công ty con, công ty liên kết và lý do lựa chọn nước sở tại;
5. Cơ cấu tổ chức và mạng lưới:

- Sơ đồ tổ chức gồm các phòng, ban tại trụ sở chính của công ty con, công ty liên kết;

 - Sơ đồ mạng lưới gồm trụ sở chính và các hiện diện thương mại khác của công ty con, công ty liên kết (nếu có).

1. Thông tin pháp lý có liên quan: Liệt kê các quy định có liên quan của nước sở tại về việc cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài thành lập và hoạt động công ty con, công ty liên kết (tên, số hiệu, ngày tháng của văn bản);

 đ) Nghiên cứu khả thi:

 - Phân tích môi trường kinh doanh, thị trường mục tiêu, các cơ hội kinh doanh cần nắm bắt và kế hoạch chiếm lĩnh thị trường; sự phù hợp với chiến lược kinh doanh của tổ chức tín dụng;

- Sơ đồ tổ chức nhân sự dự kiến;

- Phương án quản lý, kiểm soát của tổ chức tín dụng đối với công ty con, công ty liên kết trong đó cần nêu được tối thiểu các nội dung sau: (i) phương thức (thuê ngoài hay tự thực hiện) và lý do lựa chọn phương thức; (ii) tổ chức thực hiện phương thức; (iii) chi phí ước tính thực hiện phương thức; (iv) khó khăn dự kiến và giải pháp;

- Phương án kinh doanh dự kiến trong ba (03) năm kế tiếp kể từ thời điểm bắt đầu việc góp vốn, mua cổ phần, trong đó tối thiểu bao gồm: (i) dự kiến Bảng cân đối tài sản, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty con; (ii) dự toán thu nhập và chi phí; (iii) căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm;

 - Tác động và hiệu quả dự kiến của việc góp vốn, mua cổ phần đối với tổ chức tín dụng, các vấn đề (nếu có) về bảo đảm an toàn hoạt động đối với tổ chức tín dụng và các giải pháp;

 - Phương án và biện pháp xử lý của tổ chức tín dụng trong trường hợp công ty con, công ty liên kết có những ảnh hưởng xấu nghiêm trọng hoặc kéo dài đối với tổ chức tín dụng.

e) Đối với công ty liên kết ở nước ngoài, nêu rõ vai trò và sự tham gia của tổ chức tín dụng trong hoạt động quản trị, điều hành tại công ty liên kết và các cam kết, ràng buộc chủ yếu về nghĩa vụ của tổ chức tín dụng đối với công ty liên kết.

3. Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ đã được kiểm toán và/hoặc các văn bản, tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện để được góp vốn, mua cổ phần thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết ở nước ngoài theo quy định tại Thông tư này (nếu có).

 **Điều 12. Trình tự và thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng**

* 1. Tổ chức tín dụng lập một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này (đối với trường hợp đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết trong nước) hoặc một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này (đối với trường hợp đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết ở nước ngoài), gửi Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).
	2. Trong thời hạn tối đa mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức tín dụng theo quy định tại Thông tư này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và gửi lấy ý kiến:

 a) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính về việc đáp ứng các điều kiện để tổ chức tín dụng được góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại Thông tư này;

 b) Vụ Pháp chế về các vấn đề pháp lý liên quan đến việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng (nếu có);

 c) Vụ Thanh toán về việc góp vốn, mua cổ phần trong lĩnh vực dịch vụ trung gian thanh toán (nếu có);

 d) Vụ Quản lý ngoại hối về việc góp vốn, mua cổ phần trong lĩnh vực ngoại hối và các vấn đề khác liên quan đến đầu tư ra nước ngoài của tổ chức tín dụng (nếu có);

 đ) Các Vụ, Cục, đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước hoặc các tổ chức khác ngoài Ngân hàng Nhà nước để xác minh thông tin hoặc làm rõ các vấn đề tại hồ sơ đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng (nếu có).

* 1. Trong thời hạn tối đa mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, các Vụ, Cục, đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, các tổ chức khác ngoài Ngân hàng Nhà nước phải có ý kiến bằng văn bản trả lời Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng. Trong trường hợp không đồng ý với đề xuất của tổ chức tín dụng, văn bản trả lời cần nêu rõ lý do.
	2. Trong thời hạn tối đa mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định hồ sơ và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng.
	3. Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức tín dụng theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng. Trường hợp không chấp thuận, văn bản trả lời phải nêu rõ lý do.

**Chương III**

**GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN ĐỂ THỰC HIỆN**

**ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI**

 **Điều 13. Điều kiện để thực hiện đầu tư thương mại của tổ chức tín dụng**

1. Có thời gian hoạt động tối thiểu là ba (03) năm kể từ thời điểm khai trương hoạt động;
2. Tại thời điểm đề nghị, có giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định;
3. Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán trong ba (03) năm liền kề trước năm có đề nghị;
4. Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 126, 127, 128, 129, khoản 1 Điều 130 và Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này liên tục trong thời gian 36 tháng trước tháng đề nghị ngoại trừ trường hợp đặc biệt trong quá trình triển khai công tác tái cơ cấu các tổ chức tín dụng theo chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
5. Tại thời điểm đề nghị, thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;
6. Tại thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết Tổng giám đốc;
7. Tại thời điểm đề nghị, có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 40, Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành, trong đó có các chính sách, quy trình nội bộ và hệ thống quản trị rủi ro đảm bảo quản lý, kiểm soát rủi ro đối với các khoản đầu tư thương mại;
8. Có phương án đầu tư thương mại và phương án thoái vốn khi cần thiết, trong đó có đánh giá hiệu quả của phương án đầu tư thương mại cũng như đánh giá khả năng thu hồi vốn;
9. Tại Giấy phép thành lập và hoạt động có nội dung hoạt động góp vốn, mua cổ phần;
10. Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhận vốn góp, mua cổ phần của tổ chức tín dụng phải có liên quan, hỗ trợ cho hoạt động của tổ chức tín dụng một cách có hiệu quả;

 **Điều 14. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc đầu tư thương mại của tổ chức tín dụng**

 1. Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận đối với từng khoản đầu tư thương mại vào các lĩnh vực dự kiến, nêu rõ là đầu tư tại Việt Nam hay ra nước ngoài (theo mẫu đơn đính kèm Thông tư này).

 2. Nghị quyết, Quyết định hoặc trích yếu Nghị quyết, Quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng thông qua khoản đầu tư thương mại.

 3. Văn bản của tổ chức tín dụng thể hiện chính sách, quy trình, thủ tục quản lý và kiểm soát rủi ro đối với khoản đầu tư thương mại được đề nghị.

 4. Phương án đầu tư thương mại được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phê duyệt, trong đó đánh giá hiệu quả phương án, khả năng thu hồi vốn và lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhận vốn góp, mua cổ phần của tổ chức tín dụng.

 5. Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ đã được kiểm toán trong 03 năm liền kề;

 6. Chính sách, quy trình nội bộ thể hiện việc quản lý, kiểm soát rủi ro đối với các khoản đầu tư, góp vốn, mua cổ phần để thực hiện đầu tư thương mại;

 7. Các văn bản khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện để được thực hiện đầu tư thương mại theo quy định tại Thông tư này.

 **Điều 15. Trình tự và thủ tục chấp thuận việc đầu tư thương mại của tổ chức tín dụng**

 1. Tổ chức tín dụng lập một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 14 Thông tư này gửi Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

 2. Trong thời hạn tối đa mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức tín dụng theo quy định tại Thông tư này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và gửi lấy ý kiến:

 a) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính về việc đáp ứng các điều kiện để tổ chức tín dụng được thực hiện đầu tư thương mại theo quy định tại Thông tư này;

 b) Vụ Pháp chế về các vấn đề pháp lý liên quan đến việc thực hiện đầu tư thương mại của tổ chức tín dụng (nếu có);

 c) Các Vụ, Cục, đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước hoặc các tổ chức khác ngoài Ngân hàng Nhà nước để xác minh thông tin hoặc làm rõ các vấn đề tại hồ sơ đề nghị chấp thuận việc thực hiện đầu tư thương mại của tổ chức tín dụng (nếu có).

 3. Trong thời hạn tối đa mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, các Vụ, Cục, đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, các tổ chức khác ngoài Ngân hàng Nhà nước phải có ý kiến bằng văn bản trả lời Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng. Trong trường hợp không đồng ý với đề xuất của tổ chức tín dụng, văn bản trả lời cần nêu rõ lý do.

 4. Trong thời hạn tối đa mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định hồ sơ và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng.

 5. Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức tín dụng theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng. Trường hợp không chấp thuận, văn bản trả lời phải nêu rõ lý do.

 **Chương IV**

**NHỮNG THAY ĐỔI LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC GÓP VỐN,**

**MUA CỔ PHẦN VÀ GIA HẠN THỜI HẠN KHAI TRƯƠNG HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

 **Điều 16. Những thay đổi phải thông báo với Ngân hàng Nhà nước**

 Tổ chức tín dụng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản với Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi công ty con, công ty liên kết đặt trụ sở chính trong thời hạn tối đa mười (10) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh những vấn đề sau:

1. Khai trương công ty con, công ty liên kết;

2. Thay đổi tên gọi của công ty con, công ty liên kết;

3. Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty con, công ty liên kết;

4. Thay đổi Tổng Giám đốc/Giám đốc công ty con;

5. Thay đổi nội dung hoạt động trong phạm vi, lĩnh vực được phép theo quy định của pháp luật đối với công ty con, công ty liên kết;

6. Thay đổi số vốn góp, vốn cổ phần, tỷ lệ vốn góp, vốn cổ phần của tổ chức tín dụng tại công ty con, công ty liên kết;

 7. Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của công ty con, công ty liên kết;

 8. Chấm dứt hoạt động công ty con, công ty liên kết, khoản đầu tư thương mại.

 **Điều 17. Gia hạn thời hạn khai trương hoạt động công ty con, công ty liên kết**

 1. Trường hợp tổ chức tín dụng không đáp ứng thời hạn khai trương hoạt động công ty con, công ty liên kết trong nước và/hoặc nước ngoài theo quy định tại Điều 18 Thông tư, tổ chức tín dụng phải có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn này gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) tối thiểu 30 ngày trước ngày kết thúc thời hạn khai trương.

2. Ngân hàng Nhà nước chỉ gia hạn 1 lần đối với đề nghị nêu tại Khoản 1 Điều này, thời hạn gia hạn không quá thời hạn ban đầu đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

 **Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng**

 1. Trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký văn bản chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con hoặc công ty liên kết trong nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện việc góp vốn, mua cổ phần và hoàn tất các thủ tục cần thiết khai trương hoạt động công ty con, công ty liên kết trong nước. Quá thời hạn này, nếu tổ chức tín dụng không có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thực hiện, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước không còn giá trị.

 2. Trong thời hạn hai mươi tư (24) tháng kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký văn bản chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con hoặc công ty liên kết ở nước ngoài, tổ chức tín dụng phải hoàn tất các thủ tục pháp lý, chuẩn bị cơ sở vật chất, nhân sự để khai trương hoạt động công ty con, công ty liên kết theo quy định của nước sở tại nơi công ty con, công ty liên kết đặt trụ sở. Quá thời hạn này, tổ chức tín dụng chưa được cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại cấp giấy phép thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết, nếu tổ chức tín dụng không có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thực hiện, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước không còn giá trị.

3. Gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi công ty con, công ty liên kết đặt trụ sở chính, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với công ty con, công ty liên kết sau khi đăng ký kinh doanh lần đầu hoặc khi có những thay đổi nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn quy định tại Điều 16 Thông tư này.

 4. Bổ nhiệm chức danh Giám đốc công ty con theo đúng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 5 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng.

 5. Gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) báo cáo tài chính được kiểm toán của công ty con, công ty liên kết trong vòng 120 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính.

 6. Gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi công ty con, công ty liên kết đặt trụ sở chính văn bản cam kết không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp nêu tại Điểm b Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 10/2012/TT-NHNN ngày 16/4/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định xử lý sau thanh tra, giám sát đối với các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi có thay đổi nêu tại Khoản 6 Điều 16 Thông tư này.

 **Điều 19. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước**

 1. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:

a) Đầu mối tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 4 Thông tư này;

b) Đầu mối xử lý các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Trách nhiệm của các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước:

 Tham gia ý kiến khi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đề nghị và chịu trách nhiệm đối với ý kiến của mình về các nội dung được xin ý kiến theo quy định tại Thông tư này.

 **Điều 20. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính**

1. Tham gia ý kiến với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng về các nội dung được xin ý kiến theo quy định tại Thông tư này.

2. Quản lý, giám sát việc tổ chức tín dụng tuân thủ các quy định tại Điều 16 Thông tư này.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo ủy quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước liên quan đến việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng.

 **Điều 21. Quy định chuyển tiếp**

 Tổ chức tín dụng rà soát và báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) các khoản góp vốn, mua cổ phần, đầu tư thương mại hiện có của tổ chức tín dụng. Trường hợp các khoản góp vốn, mua cổ phần, đầu tư thương mại vượt quá tỷ lệ theo quy định tại Khoản 11 Điều 8, Khoản 11 Điều 13 Thông tư, trong thời hạn hai mươi tư (24) tháng kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký ban hành Thông tư, tổ chức tín dụng phải điều chỉnh và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) việc hoàn tất điều chỉnh theo quy định tại Thông tư này.

 **Điều 22. Hiệu lực thi hành**

 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng… năm…

 2. Các quy định có liên quan đến việc tổ chức tín dụng góp vốn, mua cổ phần tại các văn bản quy phạm pháp luật trước đây trái với quy định tại Thông tư này đương nhiên vô hiệu.

**Điều 23. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Trưởng Ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Giám đốc các ngân hàng thương mại, công ty tài chính chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 23;- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng (để báo cáo);- Ban Lãnh đạo NHNN;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp;- Công báo; - Lưu VP, VPC, TTGSNH6. |  **THỐNG ĐỐC** |

|  |  |
| --- | --- |
| Tên của TCTD | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *............., ngày ...... tháng ...... năm.....* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

 Căn cứ Nghị quyết số…ngày…của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông, tổ chức tín dụng (nêu rõ tên) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con/công ty liên kết, đầu tư thương mại, như sau:

 I. Trường hợp góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết:

 1. Thông tin chung về công ty con, công ty liên kết đề nghị thành lập:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt (nếu có);

b) Địa chỉ;

c) Mức vốn điều lệ;

d) Nội dung hoạt động;

đ) Thời hạn hoạt động;

 e) Số vốn góp/vốn cổ phần và tỷ lệ vốn góp/vốn cổ phần của tổ chức tín dụng tại công ty con/công ty liên kết;

 g) Danh sách công ty con, công ty liên kết và số vốn góp tương ứng tại mỗi công ty con, công ty liên kết.

 2. Tự đánh giá về việc đáp ứng các điều kiện để góp vốn, mua cổ phần tương ứng với từng hình thức theo quy định tại Thông tư này.

 3. Cam kết về việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh Tổng giám đốc/Giám đốc công ty con:

 Tổ chức tín dụng và ông/bà (tên Giám đốc công ty con) cam kết đã đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 5 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng.

 4. …(tên tổ chức tín dụng) …cam kết:

- Các thông tin cung cấp trong đơn là chính xác, trung thực;

 - Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin nêu trong Đơn này.

 II. Trường hợp đầu tư thương mại:

 1. Thông tin chung về các lĩnh vực dự kiến đầu tư (liệt kê tên lĩnh vực dự định đầu tư, nêu rõ là ở Việt Nam hay nước ngoài):

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt (nếu có) của công ty tổ chức tín dụng dự kiến góp vốn, mua cổ phần để thực hiện đầu tư thương mại;

b) Địa chỉ của công ty tổ chức tín dụng dự kiến góp vốn, mua cổ phần để thực hiện đầu tư thương mại;

c) Mức vốn điều lệ của công ty mà tổ chức tín dụng dự kiến góp vốn, mua cổ phần để thực hiện đầu tư thương mại;

d) Nội dung hoạt động của công ty tổ chức tín dụng dự kiến góp vốn, mua cổ phần để thực hiện đầu tư thương mại;

e) Số vốn góp/vốn cổ phần và tỷ lệ vốn góp/vốn cổ phần của tổ chức tín dụng tại công ty tổ chức tín dụng dự kiến góp vốn, mua cổ phần để thực hiện đầu tư thương mại.

 2. Tự đánh giá về việc đáp ứng các điều kiện để tổ chức tín dụng góp vốn, mua cổ phần để thực hiện đầu tư thương mại theo quy định tại Thông tư này.

 3. …(tên tổ chức tín dụng) … cam kết:

- Các thông tin cung cấp trong đơn là chính xác, trung thực;

 - Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin nêu trong Đơn này.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Đính kèm hồ sơ***  |  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** (*Ký tên và đóng dấu*) |

*(Ghi chú: Mẫu đơn này chỉ quy định những nội dung chủ yếu cần có, ngân hàng thương mại, công ty tài chính có thể bổ sung thêm các nội dung khác nếu thấy cần thiết)*